|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số:        /2017/QH14 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA**

**LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12**

1. Bổ sung điểm g vào khoản 28 Điều 4 như sau:

“g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.”.

2. Bổ sung các khoản 33, 34, 35, 36, 37, 38 và 39 vào Điều 4 như sau:

*“*33*. Kiểm soát đặc biệt* là việc đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Mục 1 Chương VIII Luật này.

34. *Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt* là một trong các phương án sau đây:

a) Phương án phục hồi;

b) Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp;

c) Phương án giải thể;

d) Phương án chuyển giao bắt buộc;

đ) Phương án phá sản.

35.*Phương án phục hồi* là phương án áp dụng các biện pháp để tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệttự khắc phục tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt.

36. *Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp*là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

*37. Phương án chuyển giao bắt buộc* là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn gópcho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khácnhận chuyển giao.

38. *Tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khácnhận chuyển giao* là tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài, nhà đầu tư khác có đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ định nhận chuyển giao bắt buộc cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.

39. *Tổ chức tín dụng hỗ trợ* là tổ chức tín dụng được chỉ định tham gia quản trị,kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 28 như sau:

“b) Tổ chức tín dụng bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức pháp lý;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm đ và điểm g khoản 1; khoản 2và khoản 3 Điều 29 như sau:

“c) Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng;

đ) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn;mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại.

Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, bên nhận chuyển nhượng phảiđáp ứng điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo quy định tại Điều 20, Điều 70,Điều 71của Luật này.

g) Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, điều kiện chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Việc thay đổi mức vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”.

5. Bổ sung điểm h vào khoản 1 Điều 33 như sau:

 “h) Người phải chịu trách nhiệm theo Kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào Điều 34 như sau:

”3. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của tổ chức tín dụng. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được đồng thời làChủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.”.

7. Bổ sung khoản 4 vào Điều 39 như sau:

”4. Tổ chức tín dụng phải báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

8. Bổ sung khoản 2a vào Điều 45 như sau:

”2a. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.”

9. Sửa đổi điểm c và bổ sung điểm d vào khoản 1 Điều 50 như sau:

“c) Là cá nhân có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin;

d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụngtương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;”.

 10. Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 50 như sau:

“d) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 năm làmTổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằngmức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;”.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 54 như sau:

”c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng; Không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng; Không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.”

12. Sửa đổi điểm a khoản 2Điều 55 như sau:

“a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo Phương án cơ cấu lạiđược cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết tại khoản 2, khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 Luật này”.

13. Sửa đổi khoản 3 Điều 55 như sau:

”3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.”

14. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 56 như sau:

“c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 như sau:

“2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị;Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, am hiểu về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước vàphải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản này.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 6 và bổ sung khoản 7 Điều 126 như sau:

“2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dânvà trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.

Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoàikhông được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần củatổ chức tín dụng.

7. Việc cấp tín dụng quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều này bao gồm cả hoạt độngmua, đầu tư vào trái phiếu của doanh nghiệp”.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 127 như sau:

“b) Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương của Quỹ tín dụng nhân dân”.

18. Bổ sung khoản 5 Điều 127 như sau:

“5. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2, 4 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại khoản 2, 4 Điều này phát hành.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 128 như sau:

“4. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức dư nợ đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.

5. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước quy định.

7. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.

Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ trình tự đề nghị chấp thuận cấptín dụng tối đa vượt quá các giới hạn tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”.

20. Bổ sung khoản 6 vào Điều 129 như sau:

“6. Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ vào một doanh nghiệp từ các quỹ do công ty đó quản lý.”.

21. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 130 như sau:

“e) Tỷ lệ nắm giữ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với vốn tự có”.

22. Bổ sung Điều 130avào sau Điều 130 như sau:

**“Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Ngân hàng Nhà nước xem xétáp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt theoquy định tại Điều 145 của Luật này:

a) Khôngduy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời hạn 6 tháng liên tục;

b) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trảtrong thời gian 3 tháng liên tục;

c) Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản can thiệp sớmcủa Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước có văn bảnyêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấycần thiết.

3. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:

a) Thu hẹp nội dung, phạm vihoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;

b) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

c) Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;

d) Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;

đ) Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;

e) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa không quá 01 năm kể từ ngày có văn bản can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước.

5. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không xây dựng được phương án khắc phục theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc sau thời hạn thực hiện phương án mà không khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ rủi ro,Ngân hàng Nhà nước áp dụng một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này.

7.Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể các quy định tại Điều này.”.

23. Bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 141 như sau:

“c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh quá 01 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước”.

24. Sửa đổi, bổ sung mục 1 Chương VIII như sau:

**“Mục 1**

**KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 145. Trường hợp đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt**

1. Tổ chức tín dụng được xem xét đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau:

a) Mất khả năng thanh toán hoặc mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặccó nguy cơ mất khả năng chi trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Khi số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

c) Hai năm liên tục bị xếp hạng yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

d) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% trong thời hạn 06 tháng liên tục.

2. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, tổ chức tín dụng phải kịp thời báo cáo với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 145a. Quyết định đặt tổ chức tín dụng vào tình trạng kiểm soát đặc biệt**

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đặt tổ chức tín dụng thuộc các trường hợp quy định tại Điều 145 Luật này vào tình trạng kiểm soát đặc biệt và thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để kiểm soát hoạt động của tổ chức tín dụng đó.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định:

a) Hình thức kiểm soát đặc biệt, thời hạn kiểm soát đặc biệt, gia hạn kiểm soát đặc biệt, chấm dứt kiểm soát đặc biệt, công bố thông tin về việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng.

b) Thành phần, số lượng, cơ cấu, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát đặc biệt phù hợp với hình thức kiểm soát đặc biệt và thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

3. Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, dư nợ gốc, lãi các khoản cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước được chuyển thành dư nợ cho vay đặc biệt; việc xử lý thu hồi dư nợ các khoản cho vay đặc biệt này thực hiện theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được phê duyệt.

**Điều 145b. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt**

Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt khắc phục được các tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt.

2. Trong quá trình kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể.

3. Sau khi thẩm phán chỉ định quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để xử lý theo thủ tục phá sản cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

**Điều 146. Thẩm quyền xử lý trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt**

1. Chính phủ quyết định:

a)Chủ trương và phê duyệt phương án phá sản, giải thể, chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

b) Áp dụng biện pháp đặc biệt nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Chủ trương và phê duyệtphương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đối vớingân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được kiểm soát đặc biệt;

b) Việc cho vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

3. Ngân hàng Nhà nước quyết định:

a) Chủ trương và phê duyệtphương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô,trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ.

**Điều 146a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Xử lý kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 146bcủa Luật này.

2. Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 148b của Luật này trước khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt;

3. Chỉ định người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

4. Quyết định nội dung hoạt động và việc điều chỉnh nội dung hoạt động, mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

5. Quyết định không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặcchấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán đối với tổ chức tín dụng thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt.

6. Quyết định cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146dcủa Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 146 Luật này.

7. Yêu cầu cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:

a) Phải báo cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp;

b) Không được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp;

c) Không được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm.

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại các Điều 145, Điều 145a, Điều 145b, Điều 146, Điều 146d, Điều 146đ, Điều 147a, Điều 148, Điều 148c, Điều 150, Điều 151, Điều 151a, Điều 151d, Điều 152, Điều 152a, và Điều 152d của Luật này.

**Điều 146b. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt**

1. Chỉ đạo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện:

a) Rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mạng lưới, hoạt động kinh doanh, tập trung thu hồi nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm;

b) Thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, bao gồm cả việc cắt giảm lãi suất của các khoản tiền gửi, trái phiếu có lãi suất cao; tiền thuê của các hợp đồng thuê tài sản, thuê mua tài sản có tiền thuê cao.

2. Tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy các hoạt động này có thể gia tăng rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt hoặc không phù hợp với phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

3. Đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ định người thay thếChủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.

4. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) miễn nhiệm, đình chỉ công tác đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, không chấp hành phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, không chấp hành chỉ đạo của Ban kiểm soát đặc biệt.

5. Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước quyết định gia hạn hoặc chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt; cho vay đặc biệt, gia hạn cho vay đặc biệt, thu nợ khoản vay đặc biệt; thanh lý, thu hồi giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chuyển giao bắt buộc, phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

6. Chỉ đạo tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng, thực hiện phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật này.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 147, Điều 147a, Điều 148, Điều 148c, Điều 150, Điều 151, Điều 151a, Điều 152, 152a và Điều 152d của Luật này.

**Điều 146c. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm:

a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt;

b) Thực hiện đúng phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt liên quan đến tổ chức, quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng quy định tại Điều 146của Luật này.

d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a của Luật này.

2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) có trách nhiệm:

a) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn tài sản của tổ chức tín dụng.

**Điều 146d. Khoản vay đặc biệt**

1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng hợp tác xã và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau:

a) Để hỗ trợ thanh khoản khi tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồmcả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi,phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

2. Khi đến hạn trả nợ hoặc khi giải thể, phá sản, khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án cơ cấu lại nhưng phương án cơ cấu lại tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

**Điều 146đ. Hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ các giới hạn, hạn chế, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Luật này và quy định của Ngân hàng Nhà nước, trừ các giới hạn, hạn chế quy định tại Điều 126, 127, 129 và Điều 132 Luật này.

3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các giới hạn, hạn chế,tỷ lệ bảo đảm an toàn, mức trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng, trừ các giới hạn, hạn chế quy định tại Điều 126, 127, 129 và Điều 132 Luật này theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm thì mức trích lập dự phòng rủi ro tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi.

4. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.

5. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi, phí tham gia Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.”.

25. Bổ sung các mục 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ, 1evào sau mục 1 Chương VIII như sau:

**“Mục 1a**

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG CƠ CẤU LẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 14**7.**Đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệthoàn thành việc thuê kiểm toán độc lập để rà soát, đánh giá tình hìnhtài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ với các nội dung cụ thể theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt trong thời hạn tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu, trừ quỹ tín dụng nhân dân.

Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn nêu trên thì Ban kiểm soát đặc biệt trực tiếp chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật này để thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt.

Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập và các chi phí khác liên quan đến đánh giá thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt

2. Việc đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện như sau:

a) Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệthoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng, đề xuất với Ban kiểm soát đặc biệt phương án cơ cấu lại dự kiến thực hiện để xử lý các tồn tại của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày có Quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.

b) Trong thời hạn tối đa 05 tháng, kể từ ngày có Quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt kể cả trong trường hợp tổ chức tín dụng không hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng theo quy định tại điểm a khoản này.

3.Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, việc đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều này phải dựa trên báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập quy định tại khoản 1 Điều này và bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Tình hình tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;

b) Thực trạng về nhân sự, quản trị, điều hành;

c) Thực trạng về hoạt động, kinh doanh.

4. Việc đánh giá tổng thể thực trạng quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt dựa trên kết quả thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 147a. Đề xuất và quyết định chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Trên cơ sở đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt đề xuất với Ngân hàng Nhà nước chủ trương xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

2. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

3. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

**Mục 1b**

**PHƯƠNG ÁN PHỤC HỒI TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 148. Xây dựng và phê duyệt phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Trong thời hạn tối đa 02 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành việc xây dựng và trình Ban kiểm soát đặc biệt phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

2. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án phục hồi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt đánh giá tính khả thi của phương án phục hồi, trình Ngân hàng Nhà nước. Đối với phương án phục hồi quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đánh giá. Đối với phương án phục hồi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là tổ chức tài chính vi mô, Ban kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức bảo hiểm tiền gửi đánh giá.

3. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án phục hồi do Ban kiểm soát đặc biệt trình, Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

4. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc xây dựng phương án theo quy định tại khoản 1Điều này hoặc phương án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương áp dụng phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

**Điều 148a. Nội dung phương án phục hồi**

Phương ánphục hồi bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Phương án bổ sung vốn điều lệ và thời hạn thực hiện phương án bổ sung vốn điều lệ áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định;

b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu dưới mức quy định của Ngân hàng Nhà nước;

c) Trường hợp khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm an toàn cho hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Phương án hoạt động kinh doanh trong giai đoạn phục hồi.

3. Phương án cơ cấu lại tổ chức, quản trị, điều hành.

4. Phương án xử lý các tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật.

5. Phương án chi trả theo lộ trình đối với tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi, tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lýđối với khoản vay đặc biệt đã vay.

6. Các biện pháp hỗ trợ cần áp dụng.

7. Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án phục hồi.

8. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước dự kiến chỉ định tổ chức tín dụng hỗ trợ, ngoài các nội dung trên, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng hỗ trợ bổ sung các nội dung sau đây:

a) Phương án chỉ định tổ chức tín dụng hỗ trợ; phương án trả lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác đối với người được biệt phái tham gia hỗ trợ quản trị, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

b)Phương án hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; Phương án hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ;

c) Phương án chi trả tiền lương cho người lao động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời hạn kiểm soát đặc biệt.

**Điều 148b. Các biện pháp hỗ trợthực hiện phương án phục hồi**

1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:

a) Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

b) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãiđến mức 0% của Ngân hàng Nhà nước theo phương án phục hồi đã được phê duyệt;

c) Hạch toán dần vào chi phí đối với phần chênh lệch giữa giá bán nợ, khoản phải thu, khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần với giá trị ghi sổ của các khoản trên phù hợp với tình hình tài chính của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt với thời hạntối đa không quá 10 năm;

d) Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn, vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước theo phương án phục hồi đã được phê duyệt;

đ) Công ty tài chính được vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0%của tổ chức bảo hiểm tiền gửi từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ theo phương án phục hồi đã được phê duyệt với thời hạn vay tối đa không quá thời hạn kiểm soát đặc biệt còn lại;

e) Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với mức lãi suất ưu đãi theo phương án phục hồi nhưng tối đa không quá thời hạn kiểm soát đặc biệt còn lại;

g) Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữđang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

h) Được mua, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin vượt tỷ lệ quy định tại Điều 140 của Luật này;

i) Các biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:

a) Biện pháp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãiđến mức 0% của tổ chức bảo hiểm tiền gửi từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ theo phương án phục hồi đã được phê duyệt với thời hạn vaytối đa không quá thời hạn kiểm soát đặc biệt còn lại;

c) Tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãiđến mức 0% theo phương án phục hồi đã được phê duyệt với thời hạn vay tối đa không quá thời hạn kiểm soát đặc biệt còn lại;

d) Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân với mức lãi suất ưu đãiđến mức 0% theo phương án phục hồi đã được phê duyệt với thời hạn vay tối đa không quá thời hạn kiểm soát đặc biệt còn lại;

đ) Các biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.

4. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.

**Điều 148c. Tổ chức thực hiện phương án phục hồi**

1. Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt triển khai thực hiện các nội dung tại phương án phục hồi đã được phê duyệt.

2. Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án phục hồi trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt hoặc chấm dứt phương án phục hồi để chuyển sang phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp theo đề nghị của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

3. Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định chỉ định tổ chức tín dụng khác hỗ trợ tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.4. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt hoặc Ngân hàng Nhà nước xét thấy tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không có khả năng phục hồi theo phương án phục hồi đã được phê duyệt, thì Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủquyết định chủ trương thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, giải thể,chuyển giao bắt buộc, phá sảntheo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

**Điều 148d. Điều kiện của tổ chức tín dụng hỗ trợ**

Tổ chức tín dụng được chỉ định tham gia hỗ trợ phải đáp ứng được các điều kiện sau:

1. Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền kề trước thời điểm tham gia hỗ trợ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng.

2. Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo quy định pháp luật, có bộ phận kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 40 và Điều 41 của Luật này.

**Điều 148đ. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng hỗ trợ**

1. Phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án phục hồi theo quy định tại khoản 8 Điều 148a.

2. Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm , điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi đã được duyệt.

4. Cho vay, gửi tiền với lãi suất ưu đãi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bán nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

6. Mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán tại khoản 5 Điều này theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

7. Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

8. Không bị hạn chế về tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

9. Các khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.

10. Được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thùlao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

11. Được phát hành trái phiếu dài hạn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.

12. Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác trong thẩm quyền quyết định của Ngân hàng Nhà nước.

**Mục 1c**

**PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ PHẦN VỐN GÓP, CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 149. Sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Việc xây dựng, phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thuộc trường hợp được quyết định chủ trương thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn gópquy định tại Điều 147 Luật này hoặc tại khoản 4 Điều 148 hoặc tại khoản 2, khoản 4 Điều 148c của Luật này.

b) Có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 2, khoản 4 Điều 148c của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 147a của Luật này.

**Điều 149a. Xây dựng và phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Việc xây dựng và phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 148 của Luật này.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc xây dựng phương án hoặc phương án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn quy định tại khoản 1, 3 Điều 148 của Luật này thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Chính phủ quyết định chủ trương áp dụng phương án giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

**Điều 149b. Nội dung phương ánsáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp**

1. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn gópbao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Tên phương án sáp nhập, hợp nhất haychuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp) và quy trình thực hiện phương án;

b) Thông tin về tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất; nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp bao gồm nội dung chứng minh năng lực, điều kiện tham gia sáp nhập, hợp nhất, nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp theo quy định pháp luật;

c) Phương án xử lý các khoản vay đặc biệt đã vay;

d) Các biện pháp hỗ trợ cần áp dụng;

đ) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án.

2. Đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, phương án phải bổ sung nội dung bảo đảm tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, tổ chức tín dụng sau hợp nhất không lâm vào tình trạng đặt vào kiểm soát đặc biệt.

3. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, phương án phải bổ sung nội dung về phương án khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

**Điều 149c. Các biện pháp hỗ trợ thực hiện phương ánsáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp**

Tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, tổ chức tín dụng sau hợp nhất, tổ chức tín dụng sau chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ dưới đây theo quy định cụ thể tại Phương án đã được phê duyệt:

1. Biện pháp quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 148b Luật này;

2.Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm thì mức trích lập dự phòng rủi ro thực hiện theo Phương án đã được phê duyệt nhưng tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi;

3. Các biện pháp khác theo Phương án đã được phê duyệt.

**Điều 149d. Tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp**

1. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại phương án đã được phê duyệt.

2. Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung phương án bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không thực hiện được việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, thì Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Chính phủ quyết định chủ trương thực hiện phương án giải thể, chuyển giao bắt buộc, phá sản theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

**Mục 1d**

**PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 150.Giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệtđối với trường hợp quy định tại Điều 147a hoặc khoản 4 Điều 148 hoặc khoản 4 Điều 148c hoặckhoản 2 Điều 149a hoặc khoản 4 Điều 149d của Luật này khi tổ chức tín dụng đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 147a của Luật này.

**Điều 150a. Tổ chức thực hiện giải thể**

1. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện giải thểtổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệtvà giám sát việc thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật này.

2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện giải thểtheo quy định pháp luật.

**Mục 1đ**

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 151. Chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt**

1. Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khácnhận chuyển giaođối với trường hợpquy định tại Điều 147a hoặc khoản 4 Điều 148 hoặc khoản 4 Điều 148c hoặckhoản 2 Điều 149a hoặc khoản 4 Điều 149d của Luật nàykhi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ âm;

b) Có tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149dcủa Luật này đượcthực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 147a của Luật này.

**Điều 151a. Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt**

1. Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập để rà soát, đánh giá thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ, quỹ dự trữ, trừ trường hợp đã cóbáo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 147 của Luật này trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày Chính phủ quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc.

2. Căn cứ kết quả xác định giá trị thực của vốn điều lệ, quỹ dự trữ của tổ chức kiểm toán độc lập và đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước quyết định giá trị thực của vốn điều lệ, các quỹ dự trữ, ghi giảm vốn điều lệ của ngân hàng thương mạiđược kiểm soát đặc biệt và mức vốn cần được bổ sung để bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

3. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mạiđược kiểm soát đặc biệtthực hiện việc tăng vốn điều lệ và hoàn thành việc tăng vốn trong thời hạn cụ thể. Trường hợp ngân hàng thương mại hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng thương mại tiếp tục thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt hoặc xây dựng và thực hiện phương án phục hồi theo quy định tại Mục 1b Chương VIII của Luật này hoặc Ngân hàng Nhà nước xem xét chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 145b của Luật này.

Trường hợp ngân hàng thương mại không hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước thì Ban kiểm soát đặc biệtyêu cầutổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác được phê duyệt chủ trương nhận chuyển giao bắt buộc xây dựng và hoàn thành Phương án chuyển giao bắt buộc trình Ban kiểm soát đặc biệt xem xét trong thời hạn tối đa 02 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu.

4. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án chuyển giao bắt buộc của tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác nêu tại khoản 3 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt đánh giá tính khả thi của Phương án chuyển giao bắt buộc và trình Ngân hàng Nhà nước xem xét.

5. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án chuyển giao bắt buộc do Ban kiểm soát đặc biệt trình, Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.

6. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước trình, Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc và giao Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc.

7. Trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án chuyển giao bắt buộc bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện nội dung chuyển giao bắt buộc quy định tại Điều 151b Luật này.

8. Trường hợp không xây dựng được phương án chuyển giao bắt buộc hoặc Chính phủ không phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này thì Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương áp dụng phương án phá sản theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.

**Điều 151b. Nội dung phương án chuyển giao bắt buộc**

Phương án chuyển giao bắt buộc gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Bên nhận chuyển giao.

2. Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện phương án tăng vốn điều lệ.

3. Phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với thực trạng trong từng giai đoạn.

4. Phương án cơ cấu tổ chức quản trị,điều hành.

5. Phương án xử lý các tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật.

6. Phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân; tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; các khoản vay đặc biệt đã vay.

7. Phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định hoặc xử lý pháp nhân tại ngân hàng thương mại sau nhận chuyển giao bắt buộc.

8. Các biện pháp hỗ trợ cần áp dụng.

9. Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.

**Điều 151c. Biện pháp hỗ trợ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc**

Các ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 148b của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

**Điều 151d. Tổ chức thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc**

1. Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc sau khi được Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc. Kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định chuyển giao bắt buộc, toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chấm dứt.

2. Quyết định chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

a) Tên ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc trước và sau khi chuyển giao bắt buộc, hình thức pháp lý, vốn điều lệ của ngân hàng thương mại sau chuyển giao bắt buộc;

b) Chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;

c) Trách nhiệm của ngân hàng thương mại sau chuyển giao bắt buộc.

3. Bên nhận chuyển giao bắt buộc thực hiện các nội dung sau đây:

a) Thực hiện chuyển đổi chủ sở hữu hoặc hình thức pháp lý;

b) Bổ nhiệm người quản lý, người điều hành;

c) Thực hiện quyền chủ sở hữu,cổ đông tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;

d) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

4. Ngân hàng Nhà nước tổ chức giám sát việc triển khai phương án chuyển giao bắt buộc đã phê duyệt.

**Điều 151đ. Điều kiện của bên nhận chuyển giao**

1. Bên nhận chuyển giaolà tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền kềtrước thời điểm đề nghị và có đủ nguồn vốn để góp vốn vào ngân hàng thương mạitheo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

b) Đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng.

c) Có phương ánchuyển giao bắt buộc khả thi.

2. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này và phải là pháp nhân.

**Điều 151e. Quyền của bên nhận chuyển giao**

1. Tổ chức tín dụng nhận chuyển giao có các quyền sau đây:

a) Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;

c) Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;

d) Khoản vốn góp của tổ chức tín dụngnhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư;

đ) Khoản vốn góp của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc. Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

e) Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

g) Áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 148đcủa Luật này;

h) Áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác phù hợp thực trạng của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.

2. Nhà đầu tưnhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55, Điều 70 Luật này.

**Điều 151g. Xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định và xử lý pháp nhânđối với ngân hàng thương mạisau chuyển giao bắt buộc**

1. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mạiđược chuyển giao bắt buộc được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

b) Sau 01 năm kể từ thời điểm quyết định chỉ định chuyển giao bắt buộc có hiệu lực.

2. Tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác nhận chuyển giao phải điều chỉnh cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định hoặc xử lý pháp nhân ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo một trong các trường hợp sau:

a) Ngân hàng Nhà nước chấm dứt kiểm soát đặc biệt;

b) Hết thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

3. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo các hình thức sau:

a) Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định được thực hiện thông qua việc tăng vốn hoặc chuyển nhượng một phần cổ phần, phần vốn góp cho các nhà đầu tư mới để bảo đảm tuân thủ tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Luật này;

b) Việc xử lý pháp nhân được thực hiện thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập hoặc hợp nhất với tổ chức tín dụng khác hoặc giải thể, phá sản.

4. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định dưới hình thức tăng vốn, chuyển nhượng một phần cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”.

**Mục 1e**

**PHƯƠNG ÁN PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT**

**Điều 152. Phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệtđối với trường hợp quy định tại Điều 147a, khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d của Luật nàykhi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt lâm vào tình trạng phá sản.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương phá sảnthuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d của Luật nàyđược thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 147a của Luật này.

**Điều 152a. Trình tự, thủ tục phê duyệtphương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngàyChính phủ quyết định chủ trương phá sảntổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửixây dựng phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trình Ngân hàng Nhà nước xem xét.

Trường hợp xây dựng phương án phá sản quỹ tín dụng nhân dân, Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam thực hiện.

2. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận phương án phá sản, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xem xét, đánh giá tính khả thi của phương án, trình Chính phủ phê duyệt phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

3. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước trình, Chính phủ phê duyệt phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

**Điều 152b. Nội dung phương án phá sản**

Phương án phá sản bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

1.Đánh giá thực trạng và quá trình xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải áp dụng phương án phá sản.

2. Đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn hệ thống.

3. Phương án chi trả tiền gửi của cá nhân.

4.Quy trình triển khai thủ tục phá sản trong đó bao gồm cả các bước cần thực hiện, lộ trình thực hiện, trách nhiệm triển khai.

5. Đánh giá khó khăn, vướng mắc (nếu có) và đề xuất phương án xử lý.

6. Thời hạn thực hiện phương án.

**Điều 152c. Tổ chức thực hiện phương án phá sản**

1. Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo, kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện các nội dung tại phương án phá sản đã được phê duyệt bao gồm cả việc yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nộp đơn yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định pháp luật về phá sản.

2. Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này việc sửa đổi, bổ sung phương án phá sản.

3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện việc phá sản theo quy định pháp luật về phá sản tổ chức tín dụng.”.

26. Bổ sung khoản 3 vào Điều 155 như sau:

“3. Sau khi thẩm phán chỉ định quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng.”

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 156 như sau:

“3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng bị giải thể, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật này”.

**Điều 2**.

1. Bãi bỏ cụm từ “và đăng ký điều lệ đã sửa đổi, bổ sung tại Ngân hàng Nhà nước” tại điểm a khoản 4 Điều 29; cụm từ “các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ” tại khoản 5 Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

2. Sửa đổi cụm từ“phải được đăng ký tại” thành “phải gửi” tại khoản 3 Điều 31 và khoản 2 Điều 77; cụm từ“quản lý tài sản bảo đảm” thành “quản lý nợ và khai thác tài sản” tại khoản 3 Điều 103 và tại khoản 3 Điều 110 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

3. Bổ sung cụm từ “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” vào sau cụm từ “tổ chức tín dụng” tại tên Điều 156, khoản 2 và khoản 4 Điều 156 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

4. Bãi bỏ điểm e khoản 1 Điều 29và khoản 5 Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

**Điều 3.Quy định chuyển tiếp**

1. Việc cơ cấu lại các tổ chức tín dụng đã được kiểm soát đặc biệt hoặc đang thực hiện phương án xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Trường hợp điều chỉnh một, một số nội dung của phương án đã được phê duyệt hoặc thay đổiphương án hoặc xây dựng mới phương án cơ cấu lại thì thực hiện theo quy định có liên quan tại khoản 24, 25 Điều 1 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp thực hiện phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, vốn điều lệ đối với ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực, việc chuyển nhượng cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư khác được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ngân hàng Nhà nước xây dựng phương án trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định phê duyệt phương án và giao Ngân hàng Nhà nướctriển khai thực hiện;

b) Phương án bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây: Bên nhận chuyển nhượng; phương án xử lý phần vốn góp vượt giới hạn tại ngân hàng thương mại sau chuyển nhượng đối với bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển nhượng, các nội dung quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 8 Điều 151b của Luật này và các nội dung quy định tại điểm đ, h Khoản này;

c) Bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng các điều kiện đối với bên nhận chuyển giao bắt buộc quy định tại Điều 151đ của Luật này;

d) Chuyển nhượng phần vốn góp theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua;

đ) Giá chuyển nhượng phần vốn góp không thấp hơn giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữdo tổ chức kiểm toán độc lập xác địnhvà theo cơ chế giá thị trường;

e) Ngân hàng thương mại đã được mua bắt buộc trước ngày Luật này có hiệu lực trước và sau khi chuyển nhượngđược áp dụng một, một số biện pháp hỗ trợ theo quy định tại Điều 148b của Luật này, bao gồm cả việc được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, bán nợ xấu có tài sản bảo đảm cho tổ chức mà nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;

g) Bên nhận chuyển nhượng được thực hiện các quyền của bên nhận chuyển giao quy định tại Điều 151e của Luật này;

h) Việc xử lý phần vốn góp vượt giới hạn tại ngân hàng thương mại sau chuyển nhượng đối với bên nhận chuyển nhượng là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 151g của Luật này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc)và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng; Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn bổ nhiệm.

4. Đối với các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của Luật này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018./.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày ... tháng … năm 2017.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI****Nguyễn Thị Kim Ngân** |